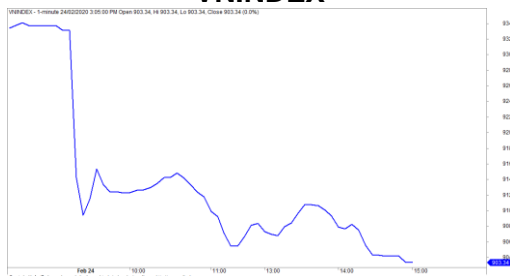


Diễn biến thị trường trong phiên			
Rating	VNI	HNI	UPCOM
Điểm	903.34	104.18	55.23
% ngày	-3.19%	-3.62%	-1.90%
% tuần	-3.36%	-4.92%	-1.83%
% tháng	-8.89%	-1.98%	-1.76%
% năm	-8.65%	-2.47%	-0.58%
GTGD (Tỷ VND)			
Trong ngày	4,879	765	271
TB 1 tuần	3,713	569	477
TB 1 tháng	3,678	471	314
Khối ngoại (Tỷ VND)			
Mua	778.72	8.64	10.88
Bán	778.39	45.57	26.48
Giá trị ròng	0.33	-36.93	-15.60
Độ rộng TT			
Mã Tăng	42	47	113
Mã Giảm	271	113	151
Không Đổi	77	212	639
Chỉ số chính			
P/E	14.42	9.19	15.10
Vốn hóa TT (ngàn tỷ)	3,199	205	898
LS Cổ tức	2.47%	5.42%	4.79%

Nguồn: Bloomberg – YSVN

VNINDEX



HNIINDEX



DIỄN BIẾN THỊ TRƯỜNG

Thị trường phản ứng tiêu cực trước thông tin dịch bệnh nCov-19 vẫn chưa có dấu hiệu thuyên giảm khi số cả mắc bệnh tại Hàn Quốc gia tăng mạnh. Chỉ số VN-Index giảm sâu ngay từ lúc mở cửa và kết phiên với mức giảm 3.19% dừng tại 903.34 điểm. Chỉ số HNX-Index giảm 3.62% đóng cửa tại 104.18 điểm trong khi Upcom-Index cũng mất 1.9%. Giá trị giao dịch khớp lệnh tăng mạnh khi đạt 5,050 tỷ đồng trên toàn thị trường.

Số mã giảm lấn áp hoàn toàn khi VN-Index có 330 mã giảm và chỉ 42 mã tăng. Mức giảm cũng khá sâu trong đó chỉ số VN30-Index giảm 3.62% với CTD, POW, ROS, SSI, TCB, VPB giảm hết biên độ. Nhóm cổ phiếu Ngân hàng đóng vai trò dẫn dắt vừa qua cũng suy yếu theo thị trường chung. Duy nhất SHB tăng 2.9% đóng cửa tại 7,100 đồng/cp. PHR cũng gây chú ý khi đóng cửa tăng 1.7% dừng tại 48,000 đồng/cp. TCH sau nhịp tăng mạnh vừa qua cũng đã có bước vào nhịp điều chỉnh ngắn hạn khi đóng cửa tại 41,550 đồng/cp và giảm hết biên độ.

Khối ngoại ghi nhận phiên bán ròng nhưng cường độ đã giảm bớt với 52.2 tỷ đồng toàn thị trường. Họ bán ròng mạnh tại SJS(147.3.3tỷ), HPG(33.2tỷ), SHB(28.7 tỷ). Ở chiều ngược lại, VIC(62.1 tỷ), VCB(37.4 tỷ) là những mã được mua ròng tích cực nhất.

QUAN ĐIỂM THỊ TRƯỜNG NGẮN HẠN

Chúng tôi cho rằng thị trường có thể sẽ hồi phục nhẹ trở lại quanh vùng giá 910 điểm của chỉ số VN-Index. Đồng thời, chúng tôi đánh giá thị trường vẫn đang trong giai đoạn tích lũy và nếu thị trường tiếp tục giảm trong phiên kế tiếp thì thị trường có thể sẽ sớm bước vào giai đoạn biến động mạnh theo chiều hướng tiêu cực. Ngoài ra, tỷ trọng cổ phiếu giảm mạnh cho thấy chiến lược ngắn hạn là giảm dần tỷ trọng để hạn chế rủi ro hiện tại.

Hệ thống chỉ báo xu hướng của chúng tôi hạ mức xu hướng ngắn hạn từ TĂNG xuống GIẢM trên chỉ số VN-Index và VN30. Đồng thời, xu hướng ngắn hạn của các chỉ số chính khác cũng từ mức TĂNG xuống GIẢM. Do đó, chúng tôi khuyến nghị các nhà đầu tư ngắn hạn có thể xem xét hạ tỷ trọng cổ phiếu về mức khuyến nghị.

Tỷ trọng khuyến nghị ngắn hạn: 29.5% cổ phiếu/70.5% tiền.

(Bảng đánh giá xu hướng của các cổ phiếu theo dõi được cập nhật ở trang sau).



We Create **Fortune**

BIỂU ĐỒ PHÂN TÍCH KỸ THUẬT



Diễn biến thị trường của chỉ số VN-Index



Diễn biến thị trường của chỉ số HNX-Index

Chỉ số	Xu hướng ngắn hạn	Xu hướng trung hạn	Mức kháng cự 1	Mức kháng cự 2	Mức hỗ trợ 1	Mức hỗ trợ 2
Chỉ số VN-Index	GIẢM	GIẢM	997	1,000	988	953
Chỉ số HNX-Index	GIẢM	GIẢM	106	108	99	90
Chỉ số VN30	GIẢM	GIẢM	895	935	877	863
Chỉ số VNMidcaps	GIẢM	GIẢM	992	1,030	969	963
Chỉ số VNSmallcaps	GIẢM	GIẢM	835	845	822	804



We Create Fortune

BẢNG THEO DÕI XU HƯỚNG CÁC CỔ PHIẾU

CP	Giá	Xu hướng ngắn hạn	Xu hướng trung hạn	Giá mua ngắn hạn	Mức cắt lỗ ngắn hạn	%LN ngắn hạn tạm tính	Tín hiệu ngắn hạn	Giá mua trung hạn	Mức cắt lỗ trung hạn	%LN trung hạn tạm tính	Tín hiệu trung hạn
AAA	12.40	GIẢM	GIẢM	11.95	12.67	6.01%	BÁN		13.23		
ACB	24.00	GIẢM	TĂNG	24.00	25.17	4.87%	BÁN	24.00	22.57	0.00%	
ACV	54.60	GIẢM	GIẢM		61.40				67.00		
ANV	17.70	GIẢM	GIẢM	18.80	17.72	-5.77%	BÁN		21.46		
ASM	5.50	GIẢM	GIẢM		6.04				6.62		
BFC	11.70	TĂNG	GIẢM	11.20	11.45	4.46%			12.24		
BID	46.30	GIẢM	GIẢM		53.31			33.40	49.22	47.36%	
BMP	42.00	GIẢM	GIẢM	44.00	42.34	-3.77%	BÁN		45.49		
BSR	7.30	GIẢM	GIẢM		8.10				8.84		
BVH	56.00	GIẢM	GIẢM		59.50				64.91		
BWE	20.10	GIẢM	GIẢM	21.00	20.44	-2.68%	BÁN		22.61		
CEO	7.90	GIẢM	GIẢM	8.80	8.21	-6.72%	BÁN		9.26		
CII	23.00	GIẢM	TĂNG		24.55			26.00	22.83	-11.54%	
CMG	30.70	TĂNG	GIẢM	32.10	30.54	-4.36%			34.69		
CMX	12.90	GIẢM	TĂNG		14.27			13.50	8.98	-4.44%	MUA
CSM	14.95	TĂNG	TĂNG	14.70	13.72	1.70%			14.75		
CTD	62.30	GIẢM	TĂNG	56.80	64.31	13.22%	BÁN	64.20	50.64	-2.96%	MUA
CTG	24.40	GIẢM	TĂNG	20.60	25.65	24.50%	BÁN	23.55	24.15	3.61%	
CTR	44.90	TĂNG	TĂNG	48.20	44.29	-6.85%		49.70	40.69	-9.66%	
CVT	19.50	GIẢM	GIẢM	20.35	19.67	-3.33%	BÁN		21.66		
DCM	6.08	TĂNG	TĂNG	5.93	6.00	2.53%		6.18	5.44	-1.62%	MUA
DGC	24.00	GIẢM	GIẢM		25.21				26.93		
DGW	25.95	GIẢM	TĂNG	24.85	26.67	7.32%	BÁN	25.20	22.97	2.98%	
DHA	31.50	TĂNG	GIẢM	31.85	30.41	-1.10%			32.52		
DHC	36.70	GIẢM	TĂNG		39.22			37.70	36.02	-2.65%	
DHG	98.00	GIẢM	TĂNG		101.23			99.50	88.63	-1.51%	
DIG	12.60	GIẢM	GIẢM	12.65	12.90	1.96%	BÁN		13.14		
DPG	27.70	TĂNG	GIẢM	28.55	26.85	-2.98%			32.83		
DPM	11.85	GIẢM	GIẢM	12.05	11.87	-1.51%	BÁN		12.75		
DPR	37.50	GIẢM	TĂNG		40.16			41.30	36.21	-9.20%	
DQC	13.80	GIẢM	GIẢM		14.81				16.06		
DRC	22.40	GIẢM	GIẢM		24.62				25.96		
DXG	11.85	GIẢM	GIẢM	12.45	11.87	-4.63%	BÁN		13.70		
EIB	17.20	TĂNG	TĂNG	17.80	16.75	-3.37%		18.40	16.46	-6.52%	
FCN	9.39	GIẢM	GIẢM	9.98	9.51	-4.76%	BÁN		10.51		



We Create Fortune

FMC	24.10	GIẢM	GIẢM		25.53				26.56		
FPT	52.50	GIẢM	GIẢM	54.10	53.59	-0.94%	BÁN		56.69		
GAS	83.90	TĂNG	GIẢM	87.50	83.63	-4.11%			92.82		
GEX	18.55	GIẢM	GIẢM		19.47				20.60		
GIL	18.90	GIẢM	TĂNG		21.55			18.90	17.41	0.00%	
GMD	18.90	GIẢM	GIẢM	19.90	18.96	-4.70%	BÁN		21.10		
GTN	16.55	GIẢM	GIẢM		19.37				19.23		
GVR	11.00	TĂNG	GIẢM	11.80	10.85	-6.78%			12.77		
HAG	3.20	GIẢM	GIẢM		3.59				3.97		
HAX	13.00	GIẢM	GIẢM		14.30				16.38		
HBC	10.50	GIẢM	GIẢM	11.15	10.52	-5.66%	BÁN		12.07		
HCM	17.55	GIẢM	GIẢM		19.82				21.47		
HDB	27.25	GIẢM	TĂNG	28.40	27.99	-1.44%	BÁN	29.95	25.76	-9.02%	
HDC	20.50	GIẢM	GIẢM	21.35	21.04	-1.47%	BÁN		23.28		
HDG	26.50	GIẢM	GIẢM	28.30	27.11	-4.21%	BÁN		29.65		
HNG	13.50	GIẢM	GIẢM		13.78				14.51		
HPG	22.70	GIẢM	GIẢM		24.60			23.85	23.23	-2.62%	
HSG	7.77	GIẢM	TĂNG		8.39			7.75	7.52	0.26%	
HT1	14.55	GIẢM	TĂNG		14.86			16.90	13.91	-13.91%	
HUT	2.00	GIẢM	GIẢM		2.33				2.58		
HVN	25.05	GIẢM	GIẢM		28.13				30.61		
KBC	14.50	GIẢM	TĂNG		15.27			15.35	14.21	-5.54%	
KDH	24.35	GIẢM	GIẢM		25.16				26.33		
KSB	17.80	GIẢM	GIẢM	16.65	17.84	7.16%	BÁN		17.89		
LCG	6.41	GIẢM	GIẢM	7.12	6.66	-6.46%	BÁN		7.57		
LDG	6.08	GIẢM	GIẢM		7.00				7.94		
LHG	14.40	GIẢM	GIẢM	15.20	14.67	-3.52%	BÁN		16.11		
LPB	6.70	GIẢM	TĂNG	7.00	6.77	-3.36%	BÁN	7.40	6.18	-9.46%	MUA
MBB	20.10	GIẢM	GIẢM	21.80	20.87	-4.28%	BÁN		22.70		
MPC	22.50	TĂNG	TĂNG	22.00	22.01	2.27%		24.10	19.14	-6.64%	
MSN	51.10	TĂNG	GIẢM	53.00	49.73	-3.58%			56.41		
MSR	14.70	TĂNG	GIẢM	15.00	13.58	-2.00%			16.05		
MWG	106.20	GIẢM	GIẢM		111.45				118.39		
NDN	15.30	TĂNG	GIẢM	15.40	14.89	-0.65%			16.36		
NKG	8.57	GIẢM	GIẢM		8.80				9.51		
NLG	24.60	GIẢM	GIẢM		26.97			28.70	26.30	-8.38%	
NT2	19.40	GIẢM	TĂNG	19.80	19.99	0.96%	BÁN	20.55	18.73	-5.60%	
NTL	20.00	GIẢM	GIẢM		21.74				23.30		
NVL	53.60	GIẢM	GIẢM		56.28				58.61		

We Create Fortune

OIL	7.00	GIẢM	GIẢM		7.55				8.38		
PAC	22.70	GIẢM	GIẢM		24.07				25.39		
PC1	14.75	GIẢM	GIẢM	16.05	14.82	-7.65%	BÁN		17.81		
PDR	25.75	TĂNG	TĂNG	26.50	25.03	-2.83%		29.00	25.19	-11.21%	
PHR	48.00	TĂNG	TĂNG	38.50	43.83	24.68%			43.76		
PLX	50.60	GIẢM	GIẢM	53.30	51.38	-3.61%	BÁN		55.87		
PNJ	81.20	GIẢM	GIẢM		85.93				89.93		
POW	10.00	GIẢM	GIẢM	10.55	10.09	-4.33%	BÁN		11.22		
PVT	12.80	GIẢM	GIẢM		13.90				14.77		
PPC	27.40	TĂNG	TĂNG	26.80	26.96	2.24%		28.40	24.39	-3.52%	
PTB	64.00	GIẢM	GIẢM	70.00	65.36	-6.62%	BÁN		72.44		
PVB	15.20	GIẢM	GIẢM		16.81				18.89		
PVD	12.30	GIẢM	GIẢM	13.55	12.66	-6.60%	BÁN		14.83		
PVI	31.20	TĂNG	GIẢM	32.00	31.05	-2.50%			33.18		
PVS	15.40	GIẢM	GIẢM	16.90	15.44	-8.62%	BÁN		18.18		
PXS	5.55	TĂNG	TĂNG	5.90	5.44	-5.93%		6.20	4.92	-10.48%	
QNS	26.30	GIẢM	TĂNG		28.73			29.50	26.05	-10.85%	MUA
REE	33.65	GIẢM	GIẢM	34.75	34.02	-2.10%	BÁN		36.65		
SAB	178.00	GIẢM	GIẢM		189.23				214.45		
SAM	9.69	GIẢM	TĂNG		10.41			7.40	8.86	30.95%	
SCR	5.20	GIẢM	GIẢM	5.30	5.28	-0.39%	BÁN		5.86		
SHI	8.79	GIẢM	TĂNG		9.13			6.99	8.30	25.75%	
SJS	20.50	TĂNG	TĂNG	16.90	18.64	21.30%		17.00	15.29	20.59%	
SKG	10.80	GIẢM	GIẢM		11.68				12.46		
SSI	16.25	GIẢM	GIẢM		17.93				19.29		
STB	10.85	GIẢM	TĂNG	10.95	10.93	-0.17%	BÁN	10.20	10.14	6.37%	
TCB	21.50	GIẢM	GIẢM	22.65	22.58	-0.30%	BÁN		23.81		
TCM	18.90	GIẢM	GIẢM	21.00	19.69	-6.25%	BÁN	20.65	18.90	-8.47%	
TDH	9.40	GIẢM	GIẢM	10.20	9.74	-4.49%	BÁN		10.67		
TLH	3.36	GIẢM	GIẢM		3.60				4.00		
TNG	13.70	GIẢM	TĂNG	16.20	14.51	-10.44%	BÁN	15.50	13.32	-11.61%	
VCB	87.20	GIẢM	TĂNG		91.95			62.00	86.74	40.65%	
VCG	24.10	GIẢM	GIẢM	25.80	24.54	-4.89%	BÁN		26.88		
VCS	66.00	GIẢM	GIẢM	71.80	69.11	-3.75%	BÁN		77.55		
VGC	18.00	TĂNG	GIẢM	18.10	17.65	-0.55%			18.80		
VGT	8.30	GIẢM	TĂNG	8.60	8.45	-1.73%	BÁN	9.10	7.69	-8.79%	
VHC	32.75	GIẢM	GIẢM	34.75	33.23	-4.36%	BÁN		38.00		
VHM	84.00	GIẢM	GIẢM		88.10				91.72		
VIB	17.90	TĂNG	TĂNG	18.20	17.71	-1.65%		17.70	16.56	1.13%	

We Create Fortune

VIC	107.30	TĂNG	GIẢM	110.00	104.03	-2.45%		112.00	117.72	5.11%	BÁN
VIP	5.02	GIẢM	TĂNG		5.50			5.54	4.85	-9.39%	MUA
VJC	128.00	TĂNG	GIẢM	131.20	125.42	-2.44%			136.53		
VND	13.55	GIẢM	TĂNG		14.54			14.70	13.53	-7.82%	
VNG	17.85	GIẢM	GIẢM		18.56				20.46		
VNM	106.40	GIẢM	GIẢM		110.55				116.15		
VPB	26.80	GIẢM	TĂNG	20.00	26.99	34.96%	BÁN	21.90	22.87	22.37%	
VPI	41.80	TĂNG	TĂNG	42.45	41.79	-1.53%		41.30	40.58	1.21%	
VRC	6.98	TĂNG	GIẢM	7.09	6.55	-1.55%			9.77		
VRE	29.35	GIẢM	GIẢM	32.00	29.67	-7.30%	BÁN		33.88		
VSC	24.45	GIẢM	GIẢM		26.09			27.00	24.46	-9.40%	

BẢNG THEO DÕI XU HƯỚNG NHÓM CỔ PHIẾU LARGE CAPS

CP	Giá	Xu hướng ngắn hạn	Xu hướng trung hạn	Giá mua ngắn hạn	Mức cắt lỗ ngắn hạn	%LN ngắn hạn tạm tính	Tín hiệu ngắn hạn	Giá mua trung hạn	Mức cắt lỗ trung hạn	%LN trung hạn tạm tính	Tín hiệu trung hạn
ACB	24.00	GIẢM	TĂNG	24.00	25.17	4.87%	BÁN	24.00	22.57	0.00%	
BID	46.30	GIẢM	GIẢM		53.31			33.40	49.22	47.36%	
BSR	7.30	GIẢM	GIẢM		8.10				8.84		
BVH	56.00	GIẢM	GIẢM		59.50				64.91		
CTG	24.40	GIẢM	TĂNG	20.60	25.65	24.50%	BÁN	23.55	24.15	3.61%	
FPT	52.50	GIẢM	GIẢM	54.10	53.59	-0.94%	BÁN		56.69		
GAS	83.90	TĂNG	GIẢM	87.50	83.63	-4.11%			92.82		
GEX	18.55	GIẢM	GIẢM		19.47				20.60		
GVR	11.00	TĂNG	GIẢM	11.80	10.85	-6.78%			12.77		
HDB	27.25	GIẢM	TĂNG	28.40	27.99	-1.44%	BÁN	29.95	25.76	-9.02%	
HNG	13.50	GIẢM	GIẢM		13.78				14.51		
HPG	22.70	GIẢM	GIẢM		24.60			23.85	23.23	-2.62%	
HVN	25.05	GIẢM	GIẢM		28.13				30.61		
KDH	24.35	GIẢM	GIẢM		25.16				26.33		
MBB	20.10	GIẢM	GIẢM	21.80	20.87	-4.28%	BÁN		22.70		
MSN	51.10	TĂNG	GIẢM	53.00	49.73	-3.58%			56.41		
MWG	106.20	GIẢM	GIẢM		111.45				118.39		
NVL	53.60	GIẢM	GIẢM		56.28				58.61		
OIL	7.00	GIẢM	GIẢM		7.55				8.38		
PLX	50.60	GIẢM	GIẢM	53.30	51.38	-3.61%	BÁN		55.87		
PNJ	81.20	GIẢM	GIẢM		85.93				89.93		
POW	10.00	GIẢM	GIẢM	10.55	10.09	-4.33%	BÁN		11.22		

We Create Fortune

QNS	26.30	GIẢM	TĂNG		28.73			29.50	26.05	-10.85%	
REE	33.65	GIẢM	GIẢM	34.75	34.02	-2.10%	BÁN		36.65		
ROS	7.91	GIẢM	GIẢM		9.55				11.75		
SBT	21.85	TĂNG	TĂNG	18.50	20.99	18.11%		17.50	17.78	24.86%	
SSI	16.25	GIẢM	GIẢM		17.93				19.29		
STB	10.85	GIẢM	TĂNG	10.95	10.93	-0.17%	BÁN	10.20	10.14	6.37%	
TCB	21.50	GIẢM	GIẢM	22.65	22.58	-0.30%	BÁN		23.81		
TPB	20.25	GIẢM	GIẢM	21.80	20.68	-5.14%	BÁN		23.94		
VCB	87.20	GIẢM	TĂNG		91.95			62.00	86.74	40.65%	
VCG	24.10	GIẢM	GIẢM	25.80	24.54	-4.89%	BÁN		26.88		
VCS	66.00	GIẢM	GIẢM	71.80	69.11	-3.75%	BÁN		77.55		
VEA	40.80	GIẢM	GIẢM	45.50	42.41	-6.79%	BÁN		59.45		
VGI	26.10	GIẢM	TĂNG	27.90	27.75	-0.53%	BÁN	28.30	21.71	-7.77%	
VHM	84.00	GIẢM	GIẢM		88.10				91.72		
VIB	17.90	TĂNG	TĂNG	18.20	17.71	-1.65%		15.00	16.56	19.30%	
VIC	107.30	TĂNG	GIẢM	110.00	104.03	-2.45%			117.72		
VJC	128.00	TĂNG	GIẢM	131.20	125.42	-2.44%			136.53		
VNM	106.40	GIẢM	GIẢM		110.55				116.15		
VPB	26.80	GIẢM	TĂNG	20.00	26.99	34.96%	BÁN	21.90	22.87	22.37%	
VRE	29.35	GIẢM	GIẢM	32.00	29.67	-7.30%	BÁN		33.88		

BẢNG THEO DÕI XU HƯỚNG NHÓM CỔ PHIẾU MIDCAPS

CP	Giá	Xu hướng ngắn hạn	Xu hướng trung hạn	Giá mua ngắn hạn	Mức cắt lỗ ngắn hạn	%LN ngắn hạn tạm tính	Tín hiệu ngắn hạn	Giá mua trung hạn	Mức cắt lỗ trung hạn	%LN trung hạn tạm tính	Tín hiệu trung hạn
AAA	12.40	GIẢM	GIẢM	11.95	12.67	6.01%	BÁN	13.30	13.23	-0.51%	MUA
ANV	17.70	GIẢM	GIẢM	18.80	17.72	-5.77%	BÁN		21.46		
ASM	5.50	GIẢM	GIẢM		6.04				6.62		
BMI	22.65	GIẢM	GIẢM		24.59				26.38		
BMP	42.00	GIẢM	GIẢM	44.00	42.34	-3.77%	BÁN		45.49		
BWE	20.10	GIẢM	GIẢM	21.00	20.44	-2.68%	BÁN		22.61		
CEO	7.90	GIẢM	GIẢM	8.80	8.21	-6.72%	BÁN		9.26		
CII	23.00	GIẢM	TĂNG		24.55			26.00	22.83	-11.54%	
CRE	22.30	GIẢM	GIẢM		22.96				23.88		
CTI	22.20	TĂNG	GIẢM	22.20	20.20	0.00%			23.07		
CTR	44.90	TĂNG	TĂNG	48.20	44.29	-6.85%		43.70	40.69	2.75%	
D2D	59.60	TĂNG	GIẢM	54.90	58.12	8.56%		64.00	62.57	-2.24%	MUA
DBD	45.60	GIẢM	GIẢM		52.20				60.29		

We Create Fortune

DCM	6.08	TĂNG	TĂNG	5.93	6.00	2.53%		6.18	5.44	-1.62%	
DGW	25.95	GIẢM	TĂNG	24.85	26.67	7.32%	BÁN	25.20	22.97	2.98%	
DHC	36.70	GIẢM	TĂNG		39.22			37.70	36.02	-2.65%	
DIG	12.60	GIẢM	GIẢM	12.65	12.90	1.96%	BÁN	13.20	13.14	-0.44%	MUA
DPG	27.70	TĂNG	GIẢM	28.55	26.85	-2.98%			32.83		
DPM	11.85	GIẢM	GIẢM	12.05	11.87	-1.51%	BÁN		12.75		
DRC	22.40	GIẢM	GIẢM		24.62				25.96		
DXG	11.85	GIẢM	GIẢM	12.45	11.87	-4.63%	BÁN		13.70		
E1VFN30	14.11	TĂNG	GIẢM	14.68	13.84	-3.88%			15.42		
FCN	9.39	GIẢM	GIẢM		9.51				10.51		
FLC	3.73	GIẢM	GIẢM		4.20				4.74		
GEG	23.10	GIẢM	GIẢM		24.60				26.69		
GMD	18.90	GIẢM	GIẢM	19.90	18.96	-4.70%	BÁN		21.10		
GTN	16.55	GIẢM	GIẢM		19.37				19.23		
HAG	3.20	GIẢM	GIẢM		3.59				3.97		
HBC	10.50	GIẢM	GIẢM	11.15	10.52	-5.66%	BÁN		12.07		
HCM	17.55	GIẢM	GIẢM		19.82				21.47		
HDC	20.50	GIẢM	GIẢM	21.35	21.04	-1.47%	BÁN		23.28		
HDG	26.50	GIẢM	GIẢM	28.30	27.11	-4.21%	BÁN		29.65		
HPX	27.20	TĂNG	#N/A	27.50	27.12	-1.09%		35.30	#N/A	#N/A	
HSG	7.77	GIẢM	TĂNG		8.39			7.75	7.52	0.26%	
HT1	14.55	GIẢM	TĂNG		14.86			16.90	13.91	-13.91%	
HTM	16.30	GIẢM	TĂNG	19.60	16.31	-16.78%	BÁN	20.00	15.34	-18.50%	
IBC	20.80	TĂNG	GIẢM	20.80	20.32	0.00%			21.22		
IDI	4.10	GIẢM	GIẢM	4.53	4.23	-6.60%	BÁN		4.85		
IJC	13.30	GIẢM	GIẢM	14.30	13.48	-5.76%	BÁN		15.38		
ITA	2.24	GIẢM	GIẢM	2.49	2.33	-6.53%	BÁN		2.57		
KBC	14.50	GIẢM	TĂNG		15.27			14.85	14.21	-2.34%	
KDC	18.20	GIẢM	GIẢM		18.85				20.24		
KOS	27.20	GIẢM	TĂNG		29.68			26.30	26.55	3.42%	
KSB	17.80	GIẢM	GIẢM	16.65	17.84	7.16%	BÁN	19.10	17.89	-6.33%	MUA
LDG	6.08	GIẢM	GIẢM		7.00				7.94		
LPB	6.70	GIẢM	TĂNG	7.00	6.77	-3.36%	BÁN	7.40	6.18	-9.46%	
MBG	17.30	TĂNG	GIẢM	17.30	17.15	0.00%			26.71		
MBS	11.50	GIẢM	GIẢM		12.31				13.68		
MPC	22.50	TĂNG	TĂNG	22.00	22.01	2.27%		24.10	19.14	-6.64%	
NBB	19.20	GIẢM	GIẢM		20.65				22.02		
NKG	8.57	GIẢM	GIẢM		8.80				9.51		

We Create Fortune

NLG	24.60	GIẢM	GIẢM		26.97			26.28	26.30	0.06%	BÁN
NT2	19.40	GIẢM	TĂNG	19.80	19.99	0.96%	BÁN	20.55	18.73	-5.60%	
NTL	20.00	GIẢM	GIẢM		21.74				23.30		
NVB	8.90	GIẢM	TĂNG		9.47			8.50	8.62	4.71%	
OGC	3.27	GIẢM	GIẢM	3.54	3.38	-4.40%	BÁN		3.80		
PC1	14.75	GIẢM	GIẢM	16.05	14.82	-7.65%	BÁN		17.81		
PDR	25.75	TĂNG	TĂNG	26.50	25.03	-2.83%		23.59	25.19	9.13%	
PHR	48.00	TĂNG	TĂNG	38.50	43.83	24.68%		47.20	43.76	1.69%	MUA
PPC	27.40	TĂNG	TĂNG	26.80	26.96	2.24%		28.40	24.39	-3.52%	
PTB	64.00	GIẢM	GIẢM	70.00	65.36	-6.62%	BÁN		72.44		
PVD	12.30	GIẢM	GIẢM	13.55	12.66	-6.60%	BÁN		14.83		
PVI	31.20	TĂNG	GIẢM	32.00	31.05	-2.50%			33.18		
PVS	15.40	GIẢM	GIẢM	16.90	15.44	-8.62%	BÁN		18.18		
PVT	12.80	GIẢM	GIẢM		13.90				14.77		
QCG	3.57	GIẢM	GIẢM		3.79				4.13		
SCR	5.20	GIẢM	GIẢM	5.30	5.28	-0.39%	BÁN		5.86		
SGP	6.20	GIẢM	GIẢM	6.70	6.35	-5.28%	BÁN		7.68		
SHB	7.10	GIẢM	TĂNG		7.57			7.10	6.09	0.00%	
SHS	6.50	GIẢM	GIẢM	7.30	6.60	-9.65%	BÁN		7.73		
SZC	16.40	GIẢM	GIẢM	15.55	16.69	7.30%	BÁN		17.81		
TCH	41.55	GIẢM	TĂNG	30.05	44.00	46.44%	BÁN	26.15	40.21	58.89%	
TCM	18.90	GIẢM	GIẢM	21.00	19.69	-6.25%	BÁN	20.65	18.90	-8.47%	
TDH	9.40	GIẢM	GIẢM	10.20	9.74	-4.49%	BÁN		10.67		
TNG	13.70	GIẢM	TĂNG	16.20	14.51	-10.44%	BÁN	15.50	13.32	-11.61%	
TTB	3.54	TĂNG	GIẢM	3.70	3.50	-4.32%			5.49		
VGC	18.00	TĂNG	GIẢM	18.10	17.65	-0.55%			18.80		
VGT	8.30	GIẢM	TĂNG	8.60	8.45	-1.73%	BÁN	9.10	7.69	-8.79%	
VHC	32.75	GIẢM	GIẢM	34.75	33.23	-4.36%	BÁN		38.00		
VND	13.55	GIẢM	TĂNG		14.54			14.70	13.53	-7.82%	
VNG	17.85	GIẢM	GIẢM		18.56				20.46		
VPI	41.80	TĂNG	TĂNG	42.45	41.79	-1.53%		41.30	40.58	1.21%	

We Create Fortune

BẢNG THEO DÕI XU HƯỚNG NHÓM CỔ PHIẾU SMALLCAPS

CP	Giá	Xu hướng ngắn hạn	Xu hướng trung hạn	Giá mua ngắn hạn	Mức cắt lỗ ngắn hạn	%LN ngắn hạn tạm tính	Tín hiệu ngắn hạn	Giá mua trung hạn	Mức cắt lỗ trung hạn	%LN trung hạn tạm tính	Tín hiệu trung hạn
AGR	3.31	TĂNG	GIẢM	3.60	3.27	-8.06%			3.77		
AMD	2.00	GIẢM	GIẢM	2.00	2.13	6.46%	BÁN		2.28		
BCG	6.07	TĂNG	GIẢM	6.59	5.75	-7.89%			7.34		
C69	7.20	TĂNG	GIẢM	6.30	6.45	14.29%			10.52		
CCL	5.88	GIẢM	GIẢM	6.54	5.94	-9.16%	BÁN		7.40		
CVT	19.50	GIẢM	GIẢM	20.35	19.67	-3.33%	BÁN		21.66		
DLG	1.78	GIẢM	GIẢM	1.95	1.78	-8.62%	BÁN		2.21		
DRH	4.59	TĂNG	TĂNG	3.63	4.25	26.45%		4.70	4.24	-2.34%	MUA
DTD	10.40	TĂNG	GIẢM	10.80	10.36	-3.70%			11.67		
EVG	2.55	TĂNG	GIẢM	2.55	2.27	0.00%			2.74		
FIT	8.65	TĂNG	GIẢM	9.09	8.55	-4.84%			9.74		
FTM	2.05	TĂNG	GIẢM	1.84	1.91	11.41%			2.92		
FUES SV50	12.20	GIẢM	GIẢM	12.60	12.39	-1.67%	BÁN		12.91		
GKM	15.30	TĂNG	TĂNG	15.00	15.27	2.00%		14.90	14.87	2.68%	
HAH	10.80	TĂNG	GIẢM	11.00	10.70	-1.82%			11.79		
HAI	2.45	GIẢM	GIẢM	2.82	2.52	-10.59%	BÁN		3.33		
HAR	3.17	GIẢM	GIẢM	3.56	3.22	-9.67%	BÁN		4.02		
HHS	4.21	GIẢM	TĂNG	4.03	4.30	6.70%	BÁN	3.36	3.61	25.30%	
HID	2.40	TĂNG	TĂNG	2.36	2.36	1.69%		2.63	2.16	-8.75%	
HII	13.50	TĂNG	TĂNG	9.61	11.85	40.48%		11.00	8.94	22.73%	
HQC	1.01	GIẢM	GIẢM	1.09	1.06	-3.20%	BÁN		1.15		
HSL	5.76	GIẢM	GIẢM	6.54	5.81	-11.15%	BÁN		7.43		
HVH	11.50	TĂNG	GIẢM	12.00	10.92	-4.17%			14.11		
IDJ	15.20	TĂNG	TĂNG	9.20	11.74	65.22%		7.20	7.27	111.11%	
KLF	1.40	TĂNG	TĂNG	1.60	1.28	-12.50%		1.50	1.33	-6.67%	
LCG	6.41	GIẢM	GIẢM	7.12	6.66	-6.46%	BÁN		7.57		
LHG	14.40	GIẢM	GIẢM	15.20	14.67	-3.52%	BÁN		16.11		
MST	6.00	GIẢM	TĂNG	5.60	6.07	8.34%	BÁN	3.40	4.69	76.47%	
NDN	15.30	TĂNG	GIẢM	15.40	14.89	-0.65%			16.36		
PLP	9.38	TĂNG	GIẢM	10.05	8.61	-6.67%			10.52		
PVC	6.10	TĂNG	GIẢM	6.50	6.08	-6.15%			6.78		
PXL	8.60	TĂNG	TĂNG	8.10	7.41	6.17%		6.70	6.66	28.36%	
TIG	7.40	TĂNG	TĂNG	6.40	6.37	15.63%		3.20	5.54	131.25%	
TNA	18.25	TĂNG	GIẢM	19.40	17.61	-5.93%			21.92		

We Create Fortune

TSC	2.10	TĂNG	GIẢM	2.40	2.07	-12.50%			2.94		
TTF	2.68	TĂNG	GIẢM	2.58	2.64	3.88%		2.85	2.83	-0.79%	MUA
TTH	2.50	GIẢM	GIẢM	2.70	2.53	-6.41%	BÁN		2.88		
VCR	11.70	TĂNG	GIẢM	9.40	11.64	24.47%		12.90	12.09	-6.26%	MUA
VNA	2.80	TĂNG	GIẢM	3.10	2.70	-9.68%			3.80		
VRC	6.98	TĂNG	GIẢM	7.09	6.55	-1.55%			9.77		
AGR	3.31	TĂNG	GIẢM	3.60	3.27	-8.06%			3.77		
AMD	2.00	GIẢM	GIẢM	2.00	2.13	6.46%	BÁN		2.28		
BCG	6.07	TĂNG	GIẢM	6.59	5.75	-7.89%			7.34		
C69	7.20	TĂNG	GIẢM	6.30	6.45	14.29%			10.52		
CCL	5.88	GIẢM	GIẢM	6.54	5.94	-9.16%	BÁN		7.40		
CVT	19.50	GIẢM	GIẢM	20.35	19.67	-3.33%	BÁN		21.66		
DLG	1.78	GIẢM	GIẢM	1.95	1.78	-8.62%	BÁN		2.21		
DRH	4.59	TĂNG	TĂNG	3.63	4.25	26.45%		4.70	4.24	-2.34%	MUA
DTD	10.40	TĂNG	GIẢM	10.80	10.36	-3.70%			11.67		
EVG	2.55	TĂNG	GIẢM	2.55	2.27	0.00%			2.74		
FIT	8.65	TĂNG	GIẢM	9.09	8.55	-4.84%			9.74		
FTM	2.05	TĂNG	GIẢM	1.84	1.91	11.41%			2.92		
FUES SV50	12.20	GIẢM	GIẢM	12.60	12.39	-1.67%	BÁN		12.91		
GKM	15.30	TĂNG	TĂNG	15.00	15.27	2.00%		14.90	14.87	2.68%	
HAH	10.80	TĂNG	GIẢM	11.00	10.70	-1.82%			11.79		
HAI	2.45	GIẢM	GIẢM	2.82	2.52	-10.59%	BÁN		3.33		
HAR	3.17	GIẢM	GIẢM	3.56	3.22	-9.67%	BÁN		4.02		
HHS	4.21	GIẢM	TĂNG	4.03	4.30	6.70%	BÁN	3.36	3.61	25.30%	
HID	2.40	TĂNG	TĂNG	2.36	2.36	1.69%		2.63	2.16	-8.75%	
HII	13.50	TĂNG	TĂNG	9.61	11.85	40.48%		11.00	8.94	22.73%	
HQC	1.01	GIẢM	GIẢM	1.09	1.06	-3.20%	BÁN		1.15		
HSL	5.76	GIẢM	GIẢM	6.54	5.81	-11.15%	BÁN		7.43		
HVH	11.50	TĂNG	GIẢM	12.00	10.92	-4.17%			14.11		
IDJ	15.20	TĂNG	TĂNG	9.20	11.74	65.22%		7.20	7.27	111.11%	

We Create Fortune

Sàn GDCK TPHCM (HSX)			Sàn GDCK Hà Nội (HSX)			Sàn GDCK UPCoM (UPCoM)		
	Điểm	Chg%		Điểm	Chg%		Điểm	Chg%
VNI	903.34	-3.19%	HNI	104.18	-3.62%	UPCoM	55.23	-1.90%
VN30	837.4	-3.62%	HN30	180.25	-3.78%			
VN Mid	875.69	-3.58%	VNX	801.38	-3.46%			
VN Small	725.18	-3.51%	AllSh					

GDKN	GTGD (tỷ VND)		GDKN	GTGD (tỷ VND)		GDKN	GTGD (tỷ VND)	
Mua	778.72		Mua	8.64		Mua	10.88	
Bán	778.39		Bán	45.57		Bán	26.48	
GT rỗng	0.33		GT rỗng	-36.93		GT rỗng	-15.60	

Mã tăng lớn nhất*	Giá trị thay đổi (VND)	Chg%	Mã tăng lớn nhất*	Giá trị thay đổi (VND)	Chg%	Mã tăng lớn nhất*	Giá trị thay đổi (VND)	Chg%
DTL	600	6.98%	SHB	200	2.90%	PXL	600	7.50%
FRT	900	4.21%	SLS	1100	1.76%	DVN	800	6.45%
CSM	250	1.70%	DHT	600	1.27%	EVF	200	2.50%
PHR	800	1.69%	NVB	0	0.00%	NTC	100	0.06%
DHG	1200	1.24%	TIG	0	0.00%	BOT	-100	-0.18%

Mã giảm lớn nhất*	Giá trị thay đổi (VND)	Chg%	Mã giảm lớn nhất*	Giá trị thay đổi (VND)	Chg%	Mã giảm lớn nhất*	Giá trị thay đổi (VND)	Chg%
FIT	-650	-6.99%	CSC	-3400	-9.91%	ACV	-5100	-8.54%
FLC	-280	-6.98%	MBG	-1900	-9.90%	CTR	-3500	-7.23%
SZL	-2750	-6.98%	SHS	-700	-9.72%	VGX	-500	-5.68%
HAG	-240	-6.98%	VCS	-6900	-9.47%	BCM	-1400	-5.30%
POW	-750	-6.98%	TNG	-1200	-8.05%	BSR	-400	-5.19%

*GTVH > 500 tỷ đồng, GTDG > 1.5 tỷ đồng

GTVH cao nhất	Tỷ đồng		GTVH cao nhất	Tỷ đồng		GTVH cao nhất	Tỷ đồng	
VIC	362,935		ACB	39,756		ACV	121,524	
VCB	323,414		SHB	12,463		VEA	54,773	
VHM	276,319		VCG	10,645		MCH	47,677	
BID	186,219		VCS	10,560		GVR	44,072	
VNM	185,283		PVS	7,361		BCM	26,606	

KLGD nhiều nhất	Giá trị	TB 30 ngày	KLGD nhiều nhất	Giá trị	TB 30 ngày	KLGD nhiều nhất	Giá trị	TB 30 ngày
FLC	19,077,270	7,028,852	SHB	22,218,637	10,858,103	VIB	2,291,673	1,357,304
DLG	17,009,357	6,985,771	ACB	10,353,149	4,773,528	BSR	2,076,235	1,466,065
VPB	13,658,080	4,971,178	NVB	5,879,400	2,051,093	LPB	1,904,465	1,425,788
HPG	13,241,454	8,002,088	PVS	4,278,530	2,293,062	GVR	1,748,107	540,343
CTG	12,692,180	9,693,022	ART	2,987,665	1,549,784	PXL	828,580	277,107

Nguồn: Bloomberg & YSVN

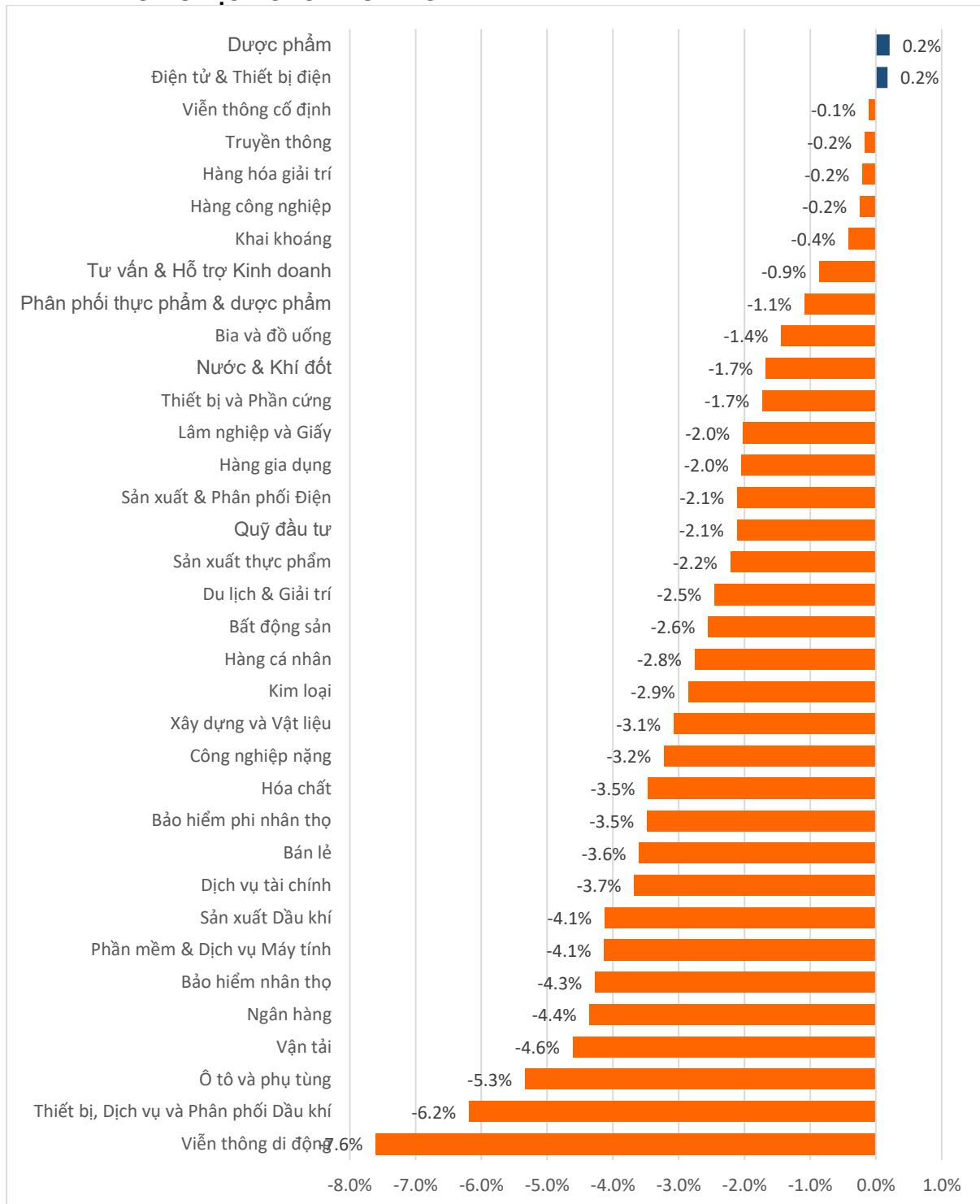
Nguồn: Bloomberg & YSVN

Nguồn: Bloomberg & YSVN



We Create Fortune

DIỄN BIẾN GIAO DỊCH CÁC NHÓM NGÀNH



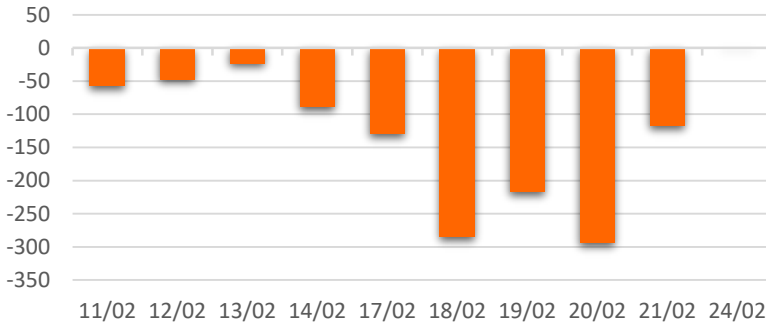
Nguồn: FiinPro – YSVN



We Create **Fortune**

THÔNG KÊ GIAO DỊCH KHỐI NGOẠI

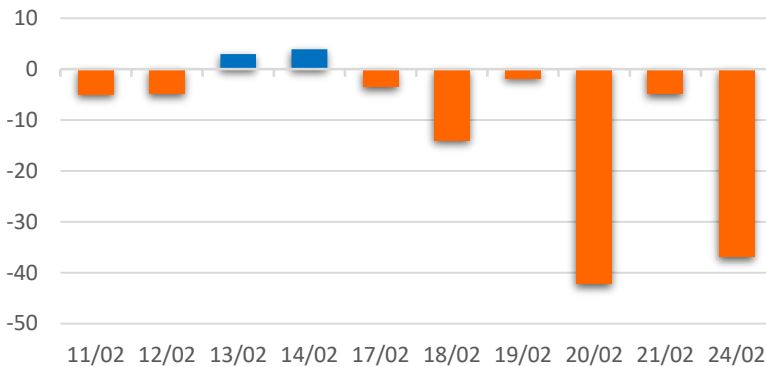
Diễn biến Mua/Bán ròng Khối ngoại HSX



Mã CK	Giá trị mua ròng (tr. VND)	Mã CK	Giá trị Bán ròng (tr. VND)
VIC	62,154	SJS	147,365
VCB	37,453	HPG	33,262
VHM	28,848	HBC	10,479
VNM	23,936	SGN	10,361
CTG	20,173	ROS	7,827

TOP 5 Cổ phiếu khối ngoại Mua/Bán trên sàn HSX

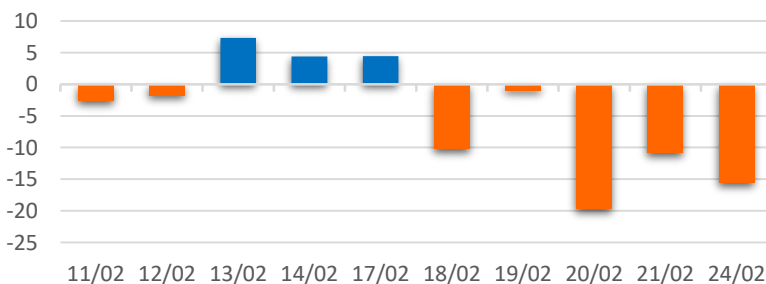
Diễn biến Mua/Bán ròng Khối ngoại HNX



Mã CK	Giá trị mua ròng (tr. VND)	Mã CK	Giá trị Bán ròng (tr. VND)
PVS	1,183	SHB	28,708
SLS	438	DGC	5,437
CEO	232	PVI	1,691
NBC	192	SHS	1,278
SDT	173	IDJ	615

TOP 5 Cổ phiếu khối ngoại Mua/Bán trên sàn HNX

Diễn biến Mua/Bán ròng Khối ngoại
UPCOM



Mã CK	Giá trị mua ròng (tr. VND)	Mã CK	Giá trị Bán ròng (tr. VND)
VEA	2,816	ACV	5,995
MCH	251	QNS	3,563
VOC	87	LPB	3,373
KHD	44	VTP	3,194
POS	25	NTC	2,054

TOP 5 Cổ phiếu khối ngoại Mua/Bán trên sàn UPCoM

Nguồn: FiinPro – YSVN

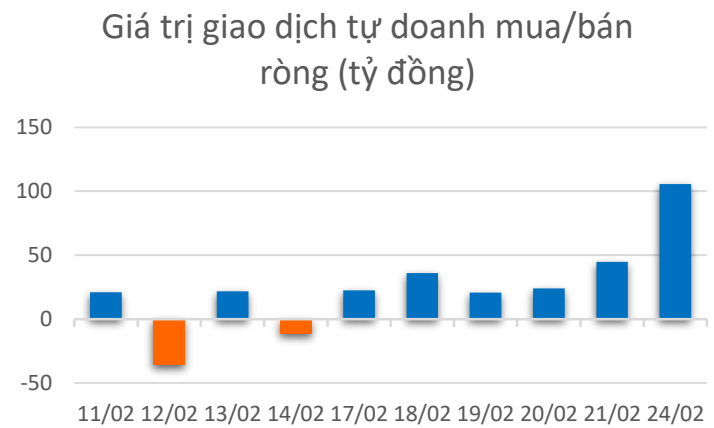


We Create **Fortune**

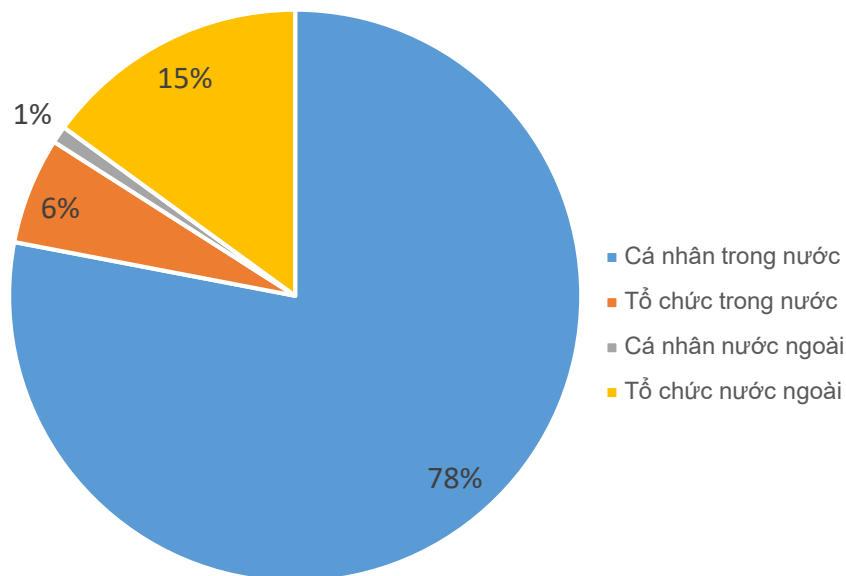
THỐNG KÊ GIAO DỊCH TỰ DOANH

Mã CK	Giá trị mua ròng (tr. VND)	Mã CK	Giá trị Bán ròng (tr. VND)
MWG	32,384	MBB	10,685
FPT	20,792	FPT	9,939
VCB	20,075	REE	4,197
MBB	11,344	PNJ	4,083
SGN	11,012	MWG	3,053

Top 5 các mã đạt GDTD lớn nhất



CƠ CẤU THỊ TRƯỜNG CHỨNG KHOÁN VIỆT NAM

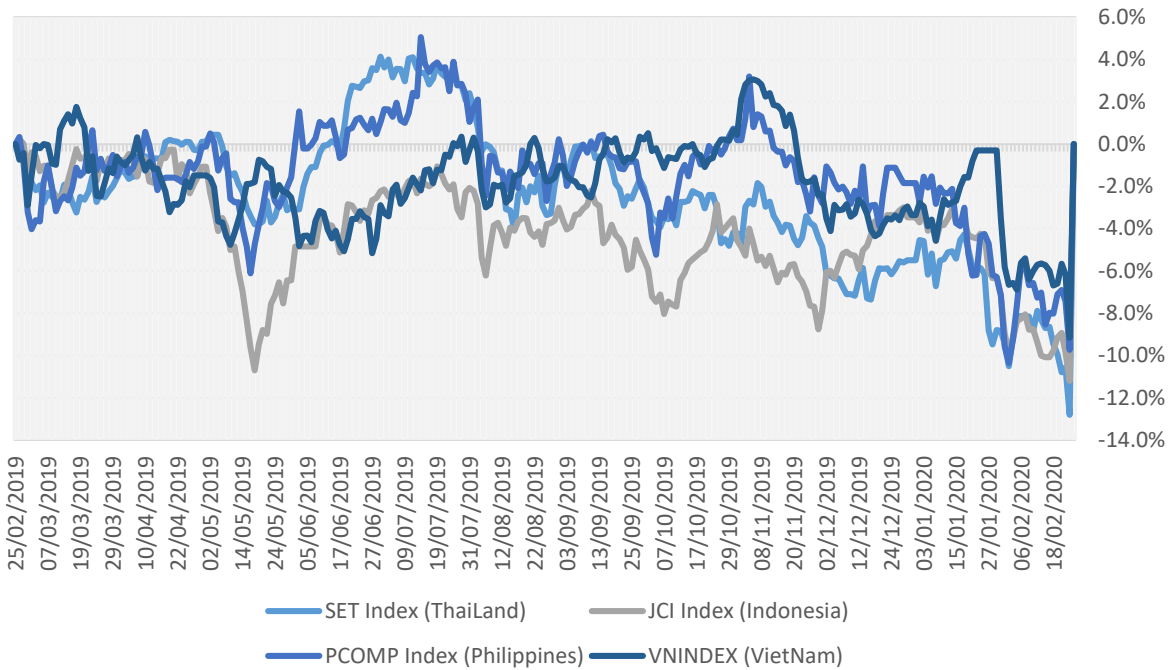


Nguồn: FiinPro – YSVN



We Create Fortune

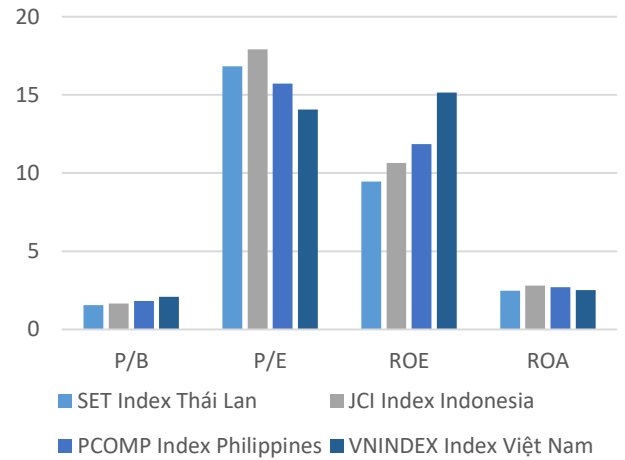
Diễn biến các thị trường trong khu vực



Dữ liệu thị trường các quốc gia trong khu vực

		Thái Lan	Indonesia	Philippines	Việt Nam
P/B		1.5x	1.7x	1.8x	2.1x
P/E		16.8x	17.9x	15.7x	14.1x
ROE	%	9.46	10.64	11.85	15.15
ROA	%	2.47	2.80	2.71	2.52
Vốn hóa	Tỷ USD	506.33	491.50	179.69	137.39
GTGD	Triệu USD	1.51	0.35	0.07	0.13
LS cổ tức	%	3.53	2.60	1.73	2.21

Nguồn: Bloomberg & YSVN





We Create **Fortune**

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN YUANTA VIỆT NAM

Phòng phân tích khối khách hàng cá nhân

Nguyễn Thế Minh

Giám đốc Nghiên cứu Phân tích

+84 28 3622 6868 ext 3826

minh.nguyen@yuanta.com.vn

Lý Thị Hiền

Trưởng phòng NC-PT

+84 28 3622 6868 ext 3908

hien.ly@yuanta.com.vn

Quách Đức Khánh

Chuyên viên phân tích cao cấp

+84 28 3622 6868 ext 3833

khankh.quach@yuanta.com.vn

Nguyễn Trịnh Ngọc Hồng

Chuyên viên phân tích

+84 28 3622 6868 ext 3832

hong.nguyen@yuanta.com.vn

Phạm Tấn Phát

Chuyên viên phân tích cao cấp

+84 28 3622 6868 ext 3880

phat.pham@yuanta.com.vn

Phòng Môi giới khách hàng cá nhân

Nguyễn Thanh Tùng

Giám đốc Môi giới Hội Sở

+84 28 3622 6868 ext 3609

tung.nguyen@yuanta.com.vn

Nguyễn Việt Quang

Giám đốc chi nhánh Hà Nội

+84 28 3622 6868 ext 3404

quang.nguyen@yuanta.com.vn

Võ Thị Thu Thủy

Giám đốc chi nhánh Bình Dương

+84 28 3622 6868 ext 3505

thuy.vo@yuanta.com.vn

Nguyễn Mạnh Hoạt

Giám đốc chi nhánh Chợ Lớn

+84 28 3622 6868 ext 3847

hoat.nguyen@yuanta.com.vn

Bùi Quốc Phong

Giám đốc chi nhánh Đồng Nai

+84 28 3622 6868 ext 3701

phong.bui@yuanta.com.vn

Chung Kim Hoa

Giám đốc Khối khách hàng người Hoa

+84 28 3622 6868 ext 3828

hoa.chung@yuanta.com.vn

Đinh Thị Thu Cúc

Giám đốc chi nhánh Vũng Tàu

+84 28 3622 6868 ext 3203

cuc.dinh@yuanta.com.vn

Võ Đình Tuấn

Giám đốc chi nhánh Đà Nẵng

+84 28 3622 6868 ext 3301

tuan.vo@yuanta.com.vn

Nguyễn Đức Hoàn

Giám đốc trung tâm kinh doanh Nam Hà Nội

+84 28 3622 6868 ext 3409

hoan.nguyen@yuanta.com.vn



We Create **Fortune**

Appendix A: Important Disclosures

Analyst Certification

Each research analyst primarily responsible for the content of this research report, in whole or in part, certifies that with respect to each security or issuer that the analyst covered in this report: (1) all of the views expressed accurately reflect his or her personal views about those securities or issuers; and (2) no part of his or her compensation was, is, or will be, directly or indirectly, related to the specific recommendations or views expressed by that research analyst in the research report.

Ratings Definitions

BUY: We have a positive outlook on the stock based on our expected absolute or relative return over the investment period. Our thesis is based on our analysis of the company's outlook, financial performance, catalysts, valuation and risk profile. We recommend investors add to their position.

HOLD-Outperform: In our view, the stock's fundamentals are relatively more attractive than peers at the current price. Our thesis is based on our analysis of the company's outlook, financial performance, catalysts, valuation and risk profile.

HOLD-Underperform: In our view, the stock's fundamentals are relatively less attractive than peers at the current price. Our thesis is based on our analysis of the company's outlook, financial performance, catalysts, valuation and risk profile.

SELL: We have a negative outlook on the stock based on our expected absolute or relative return over the investment period. Our thesis is based on our analysis of the company's outlook, financial performance, catalysts, valuation and risk profile. We recommend investors reduce their position.

Under Review: We actively follow the company, although our estimates, rating and target price are under review.

Restricted: The rating and target price have been suspended temporarily to comply with applicable regulations and/or Yuanta policies.

Note: Yuanta research coverage with a Target Price is based on an investment period of 12 months. Greater China Discovery Series coverage does not have a formal 12 month Target Price and the recommendation is based on an investment period specified by the analyst in the report.

Global Disclaimer

© 2018 Yuanta. All rights reserved. The information in this report has been compiled from sources we believe to be reliable, but we do not hold ourselves responsible for its completeness or accuracy. It is not an offer to sell or solicitation of an offer to buy any securities. All opinions and estimates included in this report constitute our judgment as of this date and are subject to change without notice.

This report provides general information only. Neither the information nor any opinion expressed herein constitutes an offer or invitation to make an offer to buy or sell securities or other investments. This material is prepared for general circulation to clients and is not intended to provide tailored investment advice and does not take into account the individual financial situation and objectives of any specific person who may receive this report. Investors should seek financial advice regarding the appropriateness of investing in any securities, investments or investment strategies discussed or recommended in this report. The information contained in this report has been compiled from sources believed to be reliable but no representation or warranty, express or implied, is made as to its accuracy, completeness or correctness. This report is not (and should not be construed as) a solicitation to act as securities broker or dealer in any jurisdiction by any person or company that is not legally permitted to carry on such business in that jurisdiction.

Yuanta research is distributed in the United States only to Major U.S. Institutional Investors (as defined in Rule 15a-6 under the Securities Exchange Act of 1934, as amended and SEC staff interpretations thereof). All transactions by a US person in the securities mentioned in this report must be effected through a registered broker-dealer under Section 15 of the Securities Exchange Act of 1934, as amended. Yuanta research is distributed in Taiwan by Yuanta Securities Investment Consulting. Yuanta research is distributed in Hong Kong by Yuanta Securities (Hong Kong) Co. Limited, which is licensed in Hong Kong by the Securities and Futures Commission for regulated activities, including Type 4 regulated activity (advising on securities). In Hong Kong, this research report may not be redistributed, retransmitted or disclosed, in whole or in part or in any form or manner, without the express written